

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**TÍNH LƯỢC VÀ THỂ VỚI TƯ CÁCH  
PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT Ở CÁC DIỄN NGÔN  
TRONG CUỐN *HỒ CHÍ MINH “VỀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC”*  
DUƠNG THỊ BÍCH HẠNH\***

**TÓM TẮT:** Theo quan niệm liên kết của M. A. K. Halliday và R. Hasan, phép tính lược và phép thể thực chất giống nhau. Tính lược là một hình thức của phép thể, thể bằng zêrô. Trong phép tính lược và phép thể, cái được chú ý là yếu tố bị tính lược và thay thế. Những yếu tố này có thể là: danh từ (cụm danh từ), động từ, tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ), mệnh đề (câu trúc chủ - vị, hay cú).

Trong các diễn ngôn của cuốn *Hồ Chí Minh “Về vấn đề giáo dục”*, có thể nhận thấy, phép tính lược và phép thể thường được sử dụng để liên kết câu. Các yếu tố bị tính lược hoặc thay thế đều giữ chức vụ ngữ pháp trong câu. Chúng có thể là chủ ngữ, vị ngữ hoặc trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ. Bên cạnh tác dụng liên kết, việc sử dụng phép tính lược và phép thể còn là một dụng ý nghệ thuật của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ phép tính lược và phép thể mà các diễn ngôn của Người trở nên ngắn gọn, cô đúc, không rườm rà, tránh được lỗi lặp từ ngữ.

**TỪ KHOÁ:** phép tính lược; phép thể; phương thức liên kết; diễn ngôn; *Hồ Chí Minh “Về vấn đề giáo dục”*.

NHẬN BÀI: 26/04/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/07/2024

### 1. Đặt vấn đề

Văn bản là một chỉnh thể, nó không phải là phép cộng đơn thuần của các câu. Giữa các câu trong văn bản có những sợi dây liên hệ chặt chẽ, tạo nên tính mạch lạc và tính liên kết của văn bản. Hiện nay đang tồn tại hai quan niệm khác nhau về liên kết trong văn bản. Quan niệm thứ nhất xem xét liên kết văn bản không phân biệt mặt cấu trúc với mặt hệ thống. Liên kết được khai thác ở các phương diện hình thức và ý nghĩa. Quan niệm này được Trần Ngọc Thêm trình bày một cách cụ thể trong cuốn *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt* (1985). Quan niệm thứ hai bắt đầu từ giữa những năm 70, những người chủ trương theo quan niệm này là hai nhà ngôn ngữ học tên tuổi của Anh: M.A.K. Halliday và R.Hasan, họ chỉ tính đến các phương tiện hình thức tạo liên kết, cái gọi là “liên kết nội dung” không được đặt ra thành đối tượng xem xét trực tiếp và một phần đáng kể của nó được xem xét trong mạch lạc. Hai quan điểm liên kết tuy khác nhau nhưng đều gặp nhau ở một phần khá cần thiết đối với thực tiễn dạy học tiếng cũng như việc sử dụng tiếng ở Việt Nam. Chỗ hai quan niệm gặp nhau chủ yếu là các phương tiện liên kết cụ thể được xem xét.

Bài viết này chúng tôi chọn phép tính lược và phép thể (một trong năm phép liên kết trong hệ thống liên kết của Halliday và Hasan - phép quy chiếu, phép thể, phép tính lược, phép nối, phép liên kết từ vựng) làm đối tượng nghiên cứu khi dùng trong các diễn ngôn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Về vấn đề giáo dục”.

Nguồn ngữ liệu chúng tôi sử dụng để khảo sát và phân tích là 148 bài nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Nxb Giáo dục Việt Nam phát hành năm 1990, in trong cuốn *Hồ Chí Minh “Về vấn đề giáo dục”*.

### 2. Nội dung nghiên cứu

Theo quan niệm liên kết của M. A. K. Halliday và R. Hasan [1976], phép tính lược và phép thể thực chất giống nhau. Có thể coi tính lược là một hình thức của phép thể, thể bằng zêrô. Việc tách hai hình thức này riêng ra thành hai phép liên kết là nhằm vào sự tiện dụng trong công việc dạy học tiếng ở nhà trường. Trong phạm vi bài báo này chúng tôi sẽ lần lượt trình bày về hai phép liên kết theo

\*TS; Trường Đại học Hải Dương; Email: duonghanhdhhd@gmail.com

quan điểm liên kết của M. A. K. Halliday và R. Hasan.

### 2.1. Phép tỉnh lược

Phép tỉnh lược chỉ ra tính nối tiếp giúp người nói và người nghe chú ý những điểm đối chiếu trong lời nói, tức là chỗ lẽ ra phải có mặt yếu tố ngôn ngữ nào đó mà nó bị bỏ trống khiến phải tìm đến yếu tố tương đương với chỗ bỏ trống trong phần lời nói đã qua (thực hiện sự hồi chiếu). Tỉnh lược góp phần vào việc cấu trúc nghĩa của diễn ngôn bằng những quan hệ từ vựng - ngữ pháp, vì nó vừa liên quan đến yếu tố từ vựng được lược bỏ vừa được phát hiện do vị trí bỏ trống trong cấu trúc cú pháp của câu. Trong phép tỉnh lược, cái được chú ý là yếu tố bị tỉnh lược. Dựa vào yếu tố này có thể chia thành ba loại: Yếu tố tỉnh lược là danh từ (cụm danh từ); Yếu tố tỉnh lược là động từ, tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ); Yếu tố tỉnh lược là mệnh đề (cấu trúc chủ - vị, hay cú).

Qua thống kê, chúng tôi thấy trong các diễn ngôn ở cuốn này các yếu tố bị tỉnh lược với tư cách là phương tiện liên kết câu chủ yếu là danh từ (cụm danh từ), rất ít trường hợp là động từ, tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ) hay là mệnh đề (cấu trúc chủ - vị, cú).

Sau đây chúng tôi sẽ đi sâu phân tích từng loại và cho ví dụ kèm theo:

#### 2.1.1. Yếu tố tỉnh lược là danh từ (cụm danh từ)

Vì danh từ (cụm danh từ) thường là đối tượng được đề cập đến trong các câu, trong diễn ngôn nên đây là yếu tố sẽ được lặp lại nhiều trong một diễn ngôn. Để tránh sự lặp lại từ ngữ nhiều khi không cần thiết khiến câu văn trở nên nặng nề, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng phép tỉnh lược với tư cách là phương tiện liên kết câu, giúp duy trì chủ đề, đề tài trong các diễn ngôn. Chúng tôi thống kê được 594 trường hợp tỉnh lược danh từ (cụm danh từ) để liên kết (chiếm 98,2% tổng số các trường hợp dùng phương thức liên kết tỉnh lược). Có thể xem một số ví dụ như sau (cái bị tỉnh lược được thay bằng (O)):

[1]: *Thấy các cháu vui vẻ, mạnh khỏe, Bác rất vui lòng. Bác có ghé thăm một phòng ngủ. (O) Khá sạch sẽ.* [5, 208]

[2]: *Liệt sĩ Phan Đình Giót, trong trận Điện Biên Phủ tuy mình đầy vết thương, vẫn tiếp tục chiến đấu. Rồi (O) lấy mình bịt lỗ châu mai của địch, để cho đơn vị ta tiến lên chiếm đồn giặc.* [5, 128]

Ở hai ví dụ trên, yếu tố bị tỉnh lược đều là danh từ (cụm danh từ), đều đóng vai trò là chủ ngữ trong câu. Tại vị trí tỉnh lược ở ví dụ [1] có thể thêm danh từ *phòng ngủ*, ở ví dụ [2] có thể thêm cụm danh từ *liệt sĩ Phan Đình Giót*. Những danh từ (cụm danh từ) bị tỉnh lược này tìm thấy ở các câu đứng trước. Sự tỉnh lược này khiến các câu bị tỉnh lược liên kết chặt chẽ với câu đứng trước.

Ngoài giữ vai trò chủ ngữ, các danh từ (cụm danh từ) bị tỉnh lược có thể giữ chức vụ bổ ngữ trong câu, như các ví dụ sau:

[3]: *Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết (O) thì chồng bảo, em chưa biết (O) thì anh bảo, cha mẹ không biết (O) thì con bảo, người ăn người làm không biết (O) thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ tá điền, những người làm của mình.*

*Phụ nữ lại càng cần phải học (O), đã lâu chị em bị kìm hãm.* [5, 40]

[4]: *Các đồng chí cần phải chú ý phát triển loại trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm. Bây giờ nhiều tỉnh đã có (O).* [5, 223]

Cũng tương tự như các ví dụ [1], [2] tại vị trí (O) có thể thêm danh từ *chữ* (ví dụ [3]), cụm danh từ *trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm* (ví dụ [4]) tìm thấy ở các câu đứng trước. Các yếu tố bị tỉnh lược này đóng vai trò là bổ ngữ trong câu.

Nếu không sử dụng tỉnh lược danh từ (cụm danh từ) trong các ví dụ trên chúng ta sẽ thấy diễn ngôn trở nên nặng nề vì mắc lỗi lặp từ ngữ, nhất là ở ví dụ [3] từ *chữ* sẽ bị lặp lại bốn lần trong một câu là điều không cần thiết. Như vậy, ngoài chức năng liên kết, tỉnh lược còn giúp văn bản tránh được lỗi lặp từ ngữ.

#### 2.1.2. Yếu tố tỉnh lược là động từ, tính từ (cụm động từ, cụm tính từ)

Trong các diễn ngôn ở cuốn này, trường hợp yếu tố tính lược là động từ, tính từ (cụm động từ, cụm tính từ) rất ít. Chúng tôi chỉ tìm thấy 8 trường hợp (chiếm 1,3% tổng số các trường hợp dùng phương thức liên kết tính lược). Và các trường hợp đều là tính lược động từ (cụm động từ), không có trường hợp nào tính lược tính từ (cụm tính từ), như các ví dụ sau:

[5]: *Có khi xem tờ báo này có vấn đề này, xem tờ báo khác, có vấn đề khác, rồi góp 2,3 vấn đề, 2,3 con số làm thành một tài liệu mà viết. (...)*

*Một thí dụ: bên Liên Xô có những thành công về công nghệ, về nông nghiệp, chỉ nói thế thôi có được không?*

*Cổ nhiên (O) là được. Nhưng nên biết cũng trong năm ấy, cũng trong mùa ấy, mà mức công nghệ, nông nghiệp ở Liên Xô, ở trung Quốc, ở các nước bạn lên thế nào, còn ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh sút kém như thế nào để mà so sánh. [5, 118]*

Ở đây, yếu tố bị tính lược là cụm động từ *nói thế* (ta tìm thấy ở câu trước). Yếu tố bị tính lược này đóng vai trò là chủ ngữ của câu. Nó là phương tiện để liên kết câu.

[6]: *Cũng trong khoảng thời gian đó, việc bắt một nhà cách mạng lão thành khác - Phan Bội Châu - lại là một dịp mới để bùng nổ ý thức quốc gia. (...) Nhiều tổ chức gửi kiến nghị yêu cầu nhà cầm quyền Pháp phải thả ông ra. Đặc biệt, sinh viên đã tỏ ra rất tích cực (O). [5, 28]*

Tại vị trí (O) có thể thêm cụm động từ *gửi kiến nghị yêu cầu nhà cầm quyền Pháp phải thả ông ra* ở câu trước. Cụm động từ bị tính lược này giữ vai trò là bổ ngữ trong câu. Sự vắng mặt của nó khiến câu vẫn ràng buộc với câu đứng trước và làm cho câu văn cô đọng, ngắn gọn, không bị rườm rà mà vẫn đủ ý.

[7]: *Ở đây các cháu thi đua gì? (...)*

*Muốn đi đến chủ nghĩa xã hội (O) phải làm gì? (O) Phải học tập, lao động, đoàn kết. [5, 209]*

Câu thứ ba trong ví dụ này đã tính lược cụm động từ *Muốn đi đến chủ nghĩa xã hội* vì thế nó gắn kết với câu đứng trước. Cụm động từ này giữ vai trò làm trạng ngữ chỉ mục đích trong câu. Cả câu thứ hai và câu thứ ba đều tính lược cả chủ ngữ *các cháu* (học sinh trường sư phạm miền núi Nghệ An) tìm thấy ở câu thứ nhất trong đoạn văn trên. Như vậy hiện tượng tính lược kép này khiến các câu và các đoạn văn trong diễn ngôn ràng buộc chặt chẽ với nhau.

Qua thống kê, chúng tôi còn thấy có trường hợp yếu tố bị tính lược được chuyển loại, như ví dụ sau:

[8]: *Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, Sài Gòn, v.v. đâu đâu học sinh cũng đều bãi khóa. Nữ sinh cũng tham gia phong trào (O). [5, 24]*

Ở vị trí (O) ta thêm được từ *bãi khóa* dựa vào câu đứng trước. Nhưng từ *bãi khóa* ở câu trước là động từ, còn nếu xuất hiện ở câu sau nó lại chuyển loại thành danh từ làm định ngữ bổ nghĩa cho danh từ *phong trào*. Dù vậy đây cũng là trường hợp sử dụng tính lược để liên kết câu.

### 2.1.3. Yếu tố tính lược là mệnh đề (cấu trúc chủ - vị hay cú)

Dạng yếu tố tính lược là mệnh đề trong các diễn ngôn của Hồ Chí Minh - *Về vấn đề giáo dục* cũng không nhiều. Chúng tôi chỉ tìm thấy 3 trường hợp (chiếm 0,5% tổng số các trường hợp dùng phương thức liên kết tính lược). Như ví dụ sau:

[9]: *Các cháu phải dũng cảm tiến lên, làm cho xứng đáng là con cháu của Phù Đổng Vương, của Trần Quốc Toản. (O) Cho xứng đáng là thanh niên và nhi đồng của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thống nhất và độc lập. [5, 76-77]*

Ở câu văn thứ hai đã lược bỏ mệnh đề được gạch dưới đã nói đến trong câu đứng trước. Việc tính lược mệnh đề này giúp câu sau liên kết chặt chẽ với câu đi trước, đồng thời cũng tránh được việc lặp lại từ ngữ khiến câu văn trở nên rườm rà, nặng nề.

## 2.2. Phép thế

Phép thế là việc sử dụng ở câu này các đại từ thay thế như *đó, đây, kia, ...* thế cho danh từ (cụm danh từ), *vậy, thế, đó, ...* thế cho động từ (cụm động từ), tính từ (cụm tính từ), mệnh đề (cấu trúc chủ - vị, hay cú) tương ứng có mặt trong câu khác; trên cơ sở đó hai câu đang xét liên kết được với nhau.

Tất nhiên, các đại từ thay thế là những từ có nghĩa không cụ thể, và nghĩa cụ thể của chúng có thể tìm được ở những từ, tổ hợp từ mà chúng thay thế.

Điều cần chú ý là sự phân biệt đại từ thay thế với chỉ định từ và với từ chỉ ngôi thứ ba. Đại từ thay thế được dùng để thay thế cho danh từ, động từ, tính từ (và các cụm từ tương ứng), và cả mệnh đề. Chỉ định từ được dùng kèm với danh từ như *cái đó*, *việc này*,... Từ chỉ ngôi thứ ba trong tiếng Việt là những từ như *nó*, *chúng nó*,... và những từ chỉ quan hệ thân tộc, chỉ chức vị được dùng tương đương các từ chỉ ngôi, nghĩa là có thể tạm thay bằng từ chỉ ngôi tương ứng. Trường hợp dùng chỉ định từ và từ chỉ ngôi thứ ba xếp vào phép quy chiếu, dạng quy chiếu chỉ ngôi.

Những trường hợp đại từ thay thế như *thế*, *vậy* và tổ hợp quan hệ từ với đại từ thay thế như *vì vậy*, *nếu thế*, *tuy vậy*,... đứng đầu câu, hoặc đứng sau chủ ngữ và trước động/ tính từ ở vị ngữ và trong những trường hợp đó chúng không đảm nhiệm chức năng cú pháp trong mệnh đề chứa chúng, thì chúng được xếp vào phép nối.

Hai trường hợp này không phải là đối tượng nghiên cứu trong bài viết của chúng tôi. Và đây cũng là điểm khác biệt so với quan điểm liên kết của Trần Ngọc Thêm. [Xem thêm 8, 142-159].

Cũng như trong phép tỉnh lược, cái được quan tâm là yếu tố được thế. Dựa vào các yếu tố này có thể chia thành 3 loại: Yếu tố được thế là danh từ (cụm danh từ); Yếu tố được thế là động từ/ tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ); Yếu tố được thế là mệnh đề (kết cấu chủ - vị, hay cú). Qua thống kê, chúng tôi thấy trong các diễn ngôn của cuốn này có đủ cả 3 loại trên.

Sau đây chúng tôi sẽ đi sâu phân tích từng loại và cho ví dụ kèm theo:

#### 2.2.1. Yếu tố được thế là danh từ (cụm danh từ)

Nếu như ở phép tỉnh lược, số lượng yếu tố tỉnh lược là danh từ (cụm danh từ) trong cuốn này chiếm đại đa số so với tổng số phép tỉnh lược được sử dụng trong toàn tuyển tập thì ở phép thế, số lượng yếu tố được thế là danh từ (cụm danh từ) trong các diễn ngôn này lại không nhiều (chỉ có 18 trường hợp, chiếm 7,8%) so với tổng số phép thế được sử dụng. Sau đây là một số ví dụ:

[10]: *Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc rất quan trọng.* [5, 235]

Đại từ *đó* ở đây thay thế cho cụm danh từ được gạch dưới trong câu trước và được giải thích bằng cụm danh từ ấy. Từ *đó* giữ vai trò chủ ngữ trong câu chứa nó. Sử dụng từ *đó* thay thế cụm danh từ *đạo đức cách mạng* một mặt có tác dụng liên kết hai câu, mặt khác lại tránh được lỗi lặp từ ngữ khiến câu văn nặng nề, rườm rà.

[11]: *Tôi được báo cáo rằng: 30 cán bộ Bình dân học vụ xung phong đến Bắc Giang, với mục đích thanh toán nạn mù chữ cho toàn tỉnh trong năm 1949.*

*Quân và dân Bắc Giang hiện nay đang anh dũng chống giặc thực dân. Các bạn đến đó, cũng là một đội quân hậu viện.* [5, 91]

Trong ví dụ này đại từ *đó* thay thế cho danh từ *Bắc Giang* và được giải thích bằng từ *Bắc Giang* ở hai câu trước. Từ *đó* giữ chức vụ làm bổ ngữ cho động từ *đến* và là phương tiện để liên kết câu, tránh được lỗi lặp từ ngữ.

[12]: *Bây giờ, tôi sang phần thứ hai. Đây là những điểm nhỏ, tôi gom góp, nói để các đồng chí rõ: (...)* [5, 213]

Đây là đại từ thay thế cho cụm danh từ *phần thứ hai* ở câu trước, có tác dụng liên kết hai câu và giữ chức vụ làm chủ ngữ trong câu.

#### 2.2.2. Yếu tố được thế là động từ/ tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ)

Trong cuốn này, chúng tôi tìm thấy 78 trường hợp sử dụng yếu tố được thế là động từ/ tính từ (cụm động từ/ cụm tính từ), chiếm 33,8% tổng số các trường hợp phép thế được sử dụng. Có thể xem một số ví dụ sau:

[13]: *Trong sinh hoạt hàng ngày, các cháu nên tập tự lực cánh sinh cho quen. Các cháu bé cũng vậy, không nên làm nũng.* [5, 133]

Đại từ *vậy* thay thế cho cụm động từ *nên tập tữ lực cánh sinh* ở câu trước và được giải thích bằng cụm động từ đó. Từ *vậy* đóng vai trò làm vị ngữ trong câu và là phương tiện liên kết hai câu.

[14]: *Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được **thế** thì trước hết phải yêu trẻ.* [5, 182]

Đại từ *thế* thay thế cho cụm động từ *thay mẹ dạy trẻ* ở câu trước và được giải thích bằng cụm động từ này. Từ *thế* đóng vai trò là bổ ngữ cho động từ *muốn* và là phương tiện liên kết câu.

[15]: *Bác có ghé thăm một phòng ngủ. Khá sạch sẽ. Thường ngày có được **như vậy** không?* [5, 208]

Các tiếng *như vậy* thay thế cho tính từ *sạch sẽ* ở câu trước và được giải thích bằng từ này. *Như vậy* đóng vai trò làm bổ ngữ cho động từ *có* và là phương tiện liên kết câu.

[16]: *Đảng ta quang minh chính đại. Đảng như thế, đảng viên cũng phải như thế.* [5, 211]

Hai tổ hợp *như thế* thay thế cho cụm tính từ *quang minh chính đại* ở câu trước và đóng vai trò làm vị ngữ trong câu. Chúng là phương tiện liên kết hai câu

Ở tất cả các ví dụ trên, ngoài chức năng liên kết, sử dụng phép thế còn tránh được việc lặp từ ngữ khiến câu văn trở nên nặng nề.

2.2.3. *Yếu tố được thế là mệnh đề (còn gọi là kết cấu chủ - vị, hay cú)*

Ở các diễn ngôn *Về vấn đề giáo dục* của Hồ Chí Minh, có 135 trường hợp yếu tố được thế là mệnh đề (chiếm 58,4 % tổng số các trường hợp phép thế được sử dụng). Như các ví dụ sau đây:

[17]: *Tôi rất vui lòng được Bộ quốc phòng và Bộ tổng chỉ huy báo cáo rằng: tất cả các binh sĩ trong các bộ đội ở khu II và khu III nay đều biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ.*

*Thế là tốt lắm. Đó là một thắng lợi to cho quân đội ta, cho Chính phủ ta và cho dân tộc ta.* [5, 70]

Đại từ *thế* và *đó* ở ví dụ này được thay cho mệnh đề được gạch dưới ở câu đứng trước và làm thành phần chủ ngữ trong câu. Chúng là phương tiện để liên kết các câu.

[18]: *Còn đây là "dân chủ". Một giáo viên bản xứ lĩnh 555 pho-răng và một giáo sư người bản xứ lĩnh 1200 pho-răng mỗi tháng, còn một giáo viên người Pháp lĩnh những 6000 pho-răng mỗi tháng, đấy là chưa kể mọi thứ phụ cấp mà chỉ riêng giáo viên và giáo sư người Pháp mới được hưởng.* [5, 27]

Trong ví dụ này, từ *đây* thay thế cho cả mệnh đề được gạch chân ở câu sau. Đây là trường hợp khử chiều trong việc dùng phép thế. Đại từ *đây* trong trường hợp này làm chủ ngữ của câu và là phương tiện liên kết câu.

[19]: *Nghe nói có một vài vị lo ngại rằng chủ nghĩa Mác - Lê nin bỏ bước tư tưởng, bỏ bước giáo dục. Lo ngại như vậy không đúng.* [5, 142]

Tổ hợp *như vậy* thay thế cho mệnh đề được gạch chân ở câu trước và giữ vai trò làm bổ ngữ cho động từ *lo ngại*. Nó là phương tiện liên kết câu.

[20]: *Ở đây có gót 4000 học sinh, một phần tư là cháu gái. Như thế là có tiến bộ, nhưng đang còn ít.* [5, 237]

Tổ hợp *như thế* được giải thích bằng câu đứng trước và giữ vai trò là chủ ngữ của câu. Đây cũng là phương tiện của phép thế để liên kết câu.

Ở tất cả các ví dụ trên, các đại từ không chỉ có chức năng là phương tiện liên kết câu mà còn giúp cho cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên ngắn gọn, súc tích, tránh lỗi lặp từ ngữ.

### 3. Kết luận

Như vậy, qua phân tích các ví dụ về phép tỉnh lược và phép thế ở các diễn ngôn trong cuốn *Hồ Chí Minh "Về vấn đề giáo dục"*, chúng tôi nhận thấy tỉnh lược và thế được sử dụng khá nhiều để liên kết câu. Bên cạnh tác dụng liên kết, việc sử dụng phép tỉnh lược và phép thế còn là một dụng ý nghệ thuật của Bác. Nhờ phép tỉnh lược và phép thế mà các diễn ngôn của Người trở nên ngắn gọn, cô đúc, không rườm rà, tránh được lỗi lặp từ ngữ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1999), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

2. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb Giáo dục.
3. Diệp Quang Ban (1986), *Đọc sách "Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt" của Trần Ngọc Thêm*, TCNN số 3, tr.56-59.
4. Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.
5. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề Giáo dục*, Nxb Giáo dục.
6. M.A.K. Halliday, R. Hasan (1976), *Cohesion in English*, Edward Arnold, London.
7. Phạm Văn Tình (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, H.
8. Trần Ngọc Thêm (1999), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, H.1985, Bản in lần thứ hai.

**Ellipsis and substitution as cohesive means in discourses  
in Ho Chi Minh "A discussion on education"**

**Abstract:** According to the cohesion concept of M. A. K. Halliday and R. Hasan, the ellipsis cohesion and substitution cohesion are in fact the same. The ellipsis is considered one of the substitution cohesions where the substitution equals to zero.

In the ellipsis cohesion and substitution cohesion, the factor that receives the most attention is omitted or substituted. These factors can be as follows: Noun (noun phrase); Verb, adjective (Verb phrase/adjective phrase); Clause

In Ho Chi Minh's discourses *A discussion on education*, we recognize that the ellipsis cohesion and substitution cohesion are frequently used for linking sentences. The omitted or substituted factors present their grammar in the sentences. They can be subject, predicate or adverb, complements and the language.

In addition to the linkage, the application of ellipsis cohesion and substitution cohesion is the art of using language intended by President Ho Chi Minh. Thanks to the two methods, Ho Chi Minh's discourses becomes short, concise and can avoid the problem of word repetition.

**Key words:** ellipsis cohesion; substitution cohesion; discourses; *Ho Chi Minh "A discussion on education"*.